

Bản án số: 37/2024/HS-ST
Ngày 05 tháng 7 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Mạnh Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Tiến Hào**

2. Ông **Nguyễn Duy Chung**

Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Yến** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Huyền Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn. Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2024/TLST-HS, ngày 31 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-HS, ngày 13 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2024/HSST-QĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. **Lê Thanh T**, sinh ngày 16/6/1987, tại tỉnh Hà Giang;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ C, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Thanh T1, sinh năm 1964 và bà Vũ Thị L, sinh năm 1964; có vợ: Trần Thị T2 (đã ly hôn) và có 01 con;

Tiền án:

- Bản án số 30/2016/HSST, ngày 27/9/2016: Bị TAND thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang xử phạt 07 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có;

- Bản án số 04/2017/HSST, ngày 03/3/2017: Bị TAND thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt với 07 tháng tù của Bản án số 30/2016/HSST, T phải chấp hành hình phạt chung là 25 tháng tù;

- Bản án số 06/2017/HSST ngày 21/4/2017: bị TAND huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp với hình phạt của 25 tháng tù của Bản án số 04/2017/HSST, buộc T phải chấp hành 34 tháng tù (ngày 27/01/2019 chấp hành xong hình phạt tù);

- Bản án số 29/2020/HS-ST, ngày 14/9/2020: bị TAND huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (bản án đã áp dụng điểm h, khoản 1, Điều 52 BLHS; chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/10/2022; chưa nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch).

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 28/02/2005 bị TAND thị xã Hà Giang, tỉnh Hà Giang xử phạt 18 tháng tù, cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản (BA 42/2005/HSST).

- Ngày 09/12/2023, bị Công an huyện H, tỉnh Tuyên Quang khởi tố về tội Trộm cắp tài sản.

- Ngày 17/02/2024 , bị Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang khởi tố về tội Trộm cắp tài sản.

- Ngày 25/3/2024, bị Công an huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, hình thức: phạt tiền (chưa chấp hành nộp phạt).

- Ngày 18/5/2024 bị Công an thành phố T, tỉnh Tuyên Quang khởi tố về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/02/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. Có mặt tại phiên tòa.

2. Đoàn Minh X, sinh ngày 10/9/1992, tại tỉnh Hà Tĩnh;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đoàn Minh T3, sinh năm 1967 và bà Lê Thị T4, sinh năm 1972; có vợ: Sơn Thanh Ngọc T5 (đã ly hôn) và có 02 con;

Tiền án:

- Bản án số 20/2019/HSST, ngày 06/3/2019: bị TAND thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/01/2020);

- Bản án số 149/2020/HS-ST, ngày 10/8/2020: bị TAND thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (áp dụng điểm h, khoản 1, Điều 52 BLHS; chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/02/2022).

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 25/3/2024 bị Công an huyện Y xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, hình thức: phạt tiền. Hiện X chưa chấp hành nộp phạt.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/02/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn H, sinh ngày 10/8/1987, tại tỉnh Bắc Giang

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn P, sinh năm 1960 và bà Ngụ Thị S, sinh năm 1959; vợ, con: Chưa có;

Tiền án:

- Bản án số 73/2010/HSST, ngày 28/5/2010: bị TAND thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy, phạt tiền 5.000.000 đồng (*Chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/01/2012*).

- Bản án số 78/2019/HSST, ngày 17/5/2019: bị TAND quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xử phạt 48 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (*Bản án này lấy BA số 73/2010/HSST là căn cứ để áp dụng điểm h, khoản 1, Điều 52 BLHS; chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/3/2022*).

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 11/01/2013 bị TAND huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/5/2013.

- Ngày 25/3/2024 bị Công an huyện Y xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, hình thức: phạt tiền. Hiện H chưa chấp hành (hết thời hiệu).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/3/2024, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Y. Có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Trọng H1, sinh ngày 05/10/1997, tại thành phố Hà Nội;

Nơi ĐKKHKT: Số nhà B, đường N, phường T, quận N, thành phố Hà Nội; chỗ ở: P, Tòa I, khu Đô thị I, quận N, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Trọng N, sinh năm 1959 và bà Dương Thị T6, sinh năm 1962; vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 43/2021/HSST, ngày 24/3/2021: bị TAND quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (*Chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/8/2021; nộp xong án phí ngày 21/6/2022*).

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/3/2024, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Anh Sĩ Văn Đ, sinh năm 2004, nơi ĐKKHKT: Thôn K, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang; chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

2. Anh Phạm Quang Đ1, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. *Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

3. Chị Lương Thị Thanh T7, sinh năm 2003; Nơi ĐKKHKT: Số G, khu T, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở hiện nay: Số A, phường V, quận H, thành phố Hà Nội. *Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Ngô Văn H2, sinh năm 1997; nơi ĐKKHKT: Thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; chỗ ở hiện nay: Thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. *Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

2. Anh Dương Xuân C, sinh năm 1990; nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định; chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang. *Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

- Người làm chứng: Anh Bùi Quang L1, sinh năm 1999; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024, Lê Thanh T, trú tại tổ C, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang; Đoàn Minh X, trú tại thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; Nguyễn Văn H, trú tại tổ dân phố T, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và Nguyễn Trọng H1 trú tại đường N, phường T, quận N, thành phố Hà Nội đã có hành vi trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản (xe mô tô), cụ thể như sau:

- **Vụ thứ nhất:** Ngày 02/12/2023, Lê Thanh T gọi điện thoại rủ Đoàn Minh X đi lên địa bàn tỉnh Tuyên Quang để tìm tài sản (xe mô tô) để trộm cắp, X đồng ý, T chuẩn bị 01 chiếc văm phá khoá tự chế hình chữ “T” để sử dụng phá khóa xe. Khoảng 20 giờ cùng ngày, T, X đi xe ô tô khách đến địa bàn tỉnh Tuyên Quang, khi đến địa bàn xã Y, huyện H và X tiến hành tìm nhà dân sơ hở để trộm cắp tài sản, khoảng hơn 00 giờ, ngày 03/12/2023, T, X trộm cắp được 01 xe mô tô Vision biển số 22Y1-260.04 của anh Lâm Thảo M, trú tại thôn A M, xã Y, H. Sau đó T điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được chở X đi theo Quốc lộ B về thành phố T. Khoảng 03 giờ cùng ngày, khi đi đến gần trường Đại học T12, thuộc địa phận thôn A, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, T nhìn thấy một dây trợ bên phải dưới đường gom, theo hướng huyện Y đi về thành phố T, qua ánh điện thấy trong sân có đề

nhiều xe mô tô, T dừng xe lại và bảo X đứng ngoài đợi để T vào xem có thể trộm cắp được không, khi vào đến cổng nhà trọ, thấy cổng khép có chốt nhưng không có khoá, T thò tay mở chốt cổng rồi quay ra bảo X “*vào đi*”, X đi, ý là bảo X vào trong sân trộm cắp xe mô tô, X hiểu ý và đi vào trong sân, quan sát và nhằm đến chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 23M1-189.36 của anh Sĩ Văn Đ (trú tại thôn K, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang), xe còn mới và có trị giá hơn so với các xe mô tô khác. Quan sát thấy xung quanh không có người trông coi, bảo vệ, X sử dụng chiếc vạm phá khoá (do T chuẩn bị), phá ổ khoá điện nổ máy xe rồi nhanh chóng điều khiển xe đi ra ngoài, T và X mỗi người điều khiển 01 xe mô tô vừa trộm cắp được đi về thành phố Hà Nội đến phòng trọ của T có địa chỉ thôn T, phường P, quận N, thành phố Hà Nội để cất giấu xe và tìm người tiêu thụ. Khi về đến phòng trọ thì X trả lại chiếc vạm phá khoá xe cho T rồi đi chơi, còn T sử dụng điện thoại di động truy cập mạng xã hội facebook, đăng thông tin bán 02 chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được lên hội nhóm “Mua, bán xe không giấy tờ”. Sau khi đăng bài bán xe thì có người nhắn tin cho T hỏi mua chiếc xe Exciter với giá 6.000.000 đồng và 5.000.000 đồng đổi với xe Honda Vision, T đồng ý và hẹn gặp người mua tại địa điểm gần cây xăng N, Hà Nội. Khi T mang 02 chiếc xe mô tô trên đến điểm hẹn và gặp 01 người đàn ông (không rõ lai lịch), T giao xe cho người đàn ông, người này đưa cho T 11.000.000 đồng, T cầm tiền đi về phòng trọ. Đến chiều cùng ngày khi X về phòng trọ, T chia cho X số tiền 5.500.000 đồng (*3.000.000 đồng đổi với xe Exciter và 2.500.000 đồng đổi với xe Honda Vision*). Số tiền trên T và X đều đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 57 ngày 14/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Y kết luận: xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA EXCITER, màu sơn xám xanh đen, biển số 23M1-189.36 trị giá 28.500.000 đồng (*Hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng*).

- **Vụ thứ hai:** Khoảng 23 giờ ngày 05/12/2023, Lê Thanh T một mình đi xe khách đến tỉnh Tuyên Quang để trộm cắp tài sản. Khoảng 01 giờ ngày 06/12/2023, T đi bộ đến khu vực Bệnh viện Đa khoa tỉnh T thuộc địa bàn tổ A, phường T, thành phố T, quan sát thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, biển số 22S1- 332.81 của Phạm Quang Đ1, trú tại thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, đang dựng ở hành lang đường giáp với tường rào của bệnh viện, nhìn xung quanh không thấy có người, T sử dụng chiếc vạm phá khoá tự chế phá ổ khoá điện của xe, nổ máy rồi điều khiển xe đi về thành phố Hà Nội, khi về đến địa phận tỉnh Vĩnh Phúc (*T không xác định được địa điểm nào*), T dừng lại tháo biển số xe ra vớt cùng chiếc vạm phá khoá vào bụi cây ven đường. Sau đó, T tiếp tục điều khiển xe mô tô về thành phố Hà Nội và sử dụng xe làm phương tiện đi lại.

Đến khoảng đầu tháng 01/2024 (*không xác định được ngày*), do cần tiền chi tiêu nên T đã truy cập mạng xã hội facebook vào “*Hội mua bán xe không giấy tờ Hà Nội*” và đăng bán chiếc xe mô tô trộm cắp được trên. Trên trang mạng T thấy tài khoản “Nguyễn Thảo V” (*là tài khoản của Nguyễn Trọng H1*) đăng bài nhận mua các loại xe mô tô không giấy tờ, không rõ nguồn gốc, T nhắn tin qua ứng dụng messenger cho H1 và nói có chiếc xe mô tô muốn bán, H1 bảo Toàn trao đổi

trên ứng dụng Telegram cho an toàn và gửi cho T một đường link dẫn đến tài khoản Telegram của H1, sau đó, T sử dụng tài khoản T8 có tên “Tung Le” nhắn tin với tài khoản “Heo con”, là tài khoản của H1 đang sử dụng, T gửi hình ảnh xe mô tô cho H1 xem, H1 hỏi T về nguồn gốc của xe, T nói đây là xe mô tô do T trộm cắp mà có, Hiệp đồng ý mua với giá 3.000.000 đồng và hẹn T đến đêm gặp nhau tại đường N, quận H, thành phố Hà Nội để trao đổi mua, bán chiếc xe trên. Theo như hẹn, T mang xe đến gặp H1, H1 nhận xe và đưa cho T số tiền 3.000.000 đồng. Số tiền bán xe trên T đã chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi mua được xe của T, H1 mang xe về nhà một người đàn ông tên Q (hay gọi Quỳnh T9, theo H1 khai sinh năm 1991, trú tại ngõ A N, quận H, thành phố Hà Nội) để gửi giữ. Sau đó, H1 đăng bài trên Facebook chào bán chiếc xe mô tô vừa mua được của T, sau đó có Ngô Văn H2, trú tại thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nhắn tin qua ứng dụng Messenger hỏi mua xe, H1 gửi đường link Telegram của H1 cho H2 để trao đổi. Qua trao đổi, thỏa thuận H2 nói với H1 là có nhu cầu mua 02 chiếc xe, H1 chụp ảnh chiếc xe mua được của T gửi cho H2 xem và đưa ra mức giá là 7.500.000 đồng và 01 chiếc xe wave màu xanh bán với giá 8.500.000 đồng, H1 nói với H2 là xe có giấy tờ đầy đủ, H2 đồng ý mua với mức giá trên, H1 hẹn gặp H2 tại khu V thuộc quận H, thành phố Hà Nội để giao dịch mua bán xe.

Đến trưa hôm sau (Khoảng đầu tháng 1/2024), H2 cùng Bùi Quang L1, trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đến điểm hẹn gặp H1 để trao đổi, mua bán; H1 đi chiếc xe wave mua của T và Q thuê 01 người đàn ông (H1 không biết lai lịch) điều khiển chiếc xe wave màu xanh cùng H1 đến nơi hẹn. H2 trả cho H1 số tiền 16.000.000 đồng, H1 nhận tiền và giao 02 chiếc xe cho H2, khi trao đổi mua bán H1 nói với H2 là chiếc xe Wave màu sơn trắng do khách chưa gửi giấy tờ và biển số cho cửa hàng nên khi nào nhận được giấy tờ và biển số thì H1 sẽ gửi cho H2 sau, H2 tin tưởng và đồng ý (chiếc xe mô tô Wave màu sơn xanh của người tên Q khi L1 mua có đầy đủ giấy tờ). Khi giao dịch mua bán xong, H1 đưa cho người tên Q 8.500.000 đồng tiền bán chiếc xe Wave xanh, Q đưa lại cho H1 300.000 đồng. Số tiền 300.000 đồng này và số tiền 7.500.000 đồng tiền bán chiếc xe Wave màu trắng H1 đã chi tiêu cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 06 ngày 05/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Y kết luận: xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn trắng - đen - bạc, biển số 22S1-332.81 trị giá **12.500.000** đồng (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

- **Vụ thứ ba:** Khoảng 15 giờ, ngày 21/02/2024, Đoàn Minh X cùng Nguyễn Văn H, trú tại tổ dân phố T, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đi từ tỉnh Bắc Ninh đến thành phố Hà Nội để thăm bạn, khi đi qua khu vực gầm cầu V, thành phố Hà Nội, thì xuống xe đi bộ trên đường, do không có tiền chi tiêu nên X và H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, X, H đi vào ngách A, phường V, quận H, thành phố Hà Nội để tìm xe mô tô để trộm cắp. Khi đến một khu nhà trọ của ông Bùi Chính Đ2, thấy có 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn trắng, biển số 14L1-116.49 của chị Lưu Thị Thanh T10 (trú tại số G, khu T, thị trấn Q, huyện H, tỉnh

Quảng Ninh), dựng ở dưới đường trước cửa nhà trọ, quan sát thấy xung quanh không có người, X bảo H đứng ở đầu ngõ đợi và cảnh giới để X vào lấy xe, X đi đến vị trí chiếc xe và sử dụng vạm phá khoá tự chế (chuẩn bị từ trước), mở ổ khoá điện, nổ xe rồi điều khiển xe ra đón H, sau đó cùng nhau đi về phòng trọ của X tại xã P, thành phố T, tỉnh Bắc Ninh. Khi về đến phòng trọ, X gọi điện thoại cho Dương Xuân C, trú tại thôn L, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang (là bạn của X) và nói có chiếc xe Wave muốn bán. Chuyển hỏi nguồn gốc xe, X trả lời là xe của X, C đồng ý mua với giá 2.500.000 đồng. Sau đó, X gửi chiếc xe mô tô trộm cắp được trên theo xe khách lên cho C, C nhận xe và gửi lại tiền mua xe qua xe khách cho X. Số tiền 2.500.000 đồng bán xe trên X và H cùng nhau chi tiêu cá nhân hết. Đối với vạm phá khoá tự chế sau khi trộm được xe nêu trên vài ngày sau, X đến thành phố T chơi và đã vứt bỏ vạm phá khoá này vào một bãi đất trống ven đường (không xác định được vị trí vứt bỏ vạm phá khoá).

Tại Kết luận định giá tài sản số 07 ngày 06/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Y kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn Trắng đen bạc, biển số 14L1-116.49 trị giá **8.500.000 đồng** (Tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Biết không thể trốn tránh được hành vi phạm tội của mình: Ngày 26/02/2024, Đoàn Minh X; ngày 27/02/2024, Lê Thanh T đã đến Cơ quan điều tra Công an huyện Y để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

- Ngày 27/02/2024, xét nghiệm tìm chất ma túy đối với Đoàn Minh X, kết quả dương tính, có chất ma túy trong cơ thể X.

- Ngày 28/02/2024, xét nghiệm tìm chất ma túy đối với Lê Thanh T, kết quả dương tính, có chất ma túy trong cơ thể T.

- Ngày 03/3/2024, xét nghiệm tìm chất ma túy đối với Nguyễn Văn H, kết quả dương tính, có chất ma túy trong cơ thể H.

- Ngày 30/12/2023, Sĩ Văn Đ giao nộp 01 đĩa DVD có chứa 02 đoạn video; Tại Kết luận giám định số 138 ngày 23/02/2024 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Không tìm thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 03 (ba) tệp in video ký hiệu A1, A2, A3; Đặc điểm về người, phương tiện; diễn biến sự việc, hành động của những người có liên quan trong 03 (ba) tệp in video ký hiệu A1, A2, A3 được mô tả chi tiết trong bản ảnh giám định kèm theo.

Trước Cơ quan điều tra, các bị cáo Lê Thanh T, Đoàn Minh X, Nguyễn Văn H và Nguyễn Trọng H1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá, kết luận giám định, lời khai của người bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số: 41/CT-VKSYS, ngày 31/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn truy tố Lê Thanh T, Đoàn Minh X, Nguyễn Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g, khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố Nguyễn

Trọng H1 về tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, điều luật đã nêu trong bản cáo trạng đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Thanh T. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 2 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với Đoàn Minh X. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn H. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với Nguyễn Trọng H1.

- Tuyên bố các bị cáo Lê Thanh T, Đoàn Minh X, Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Nguyễn Trọng H1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Xử phạt bị cáo **Lê Thanh T** từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 27/02/2024.

- Xử phạt bị cáo **Đoàn Minh X** từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 26/02/2024.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H** từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 06/3/2024.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trọng H1** từ 08 tháng đến 10 tháng tù, cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 16 tháng đến 20 tháng. Trả tự do cho bị cáo Nguyễn Trọng H1 ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị giam giữ về hành vi vi phạm pháp luật khác.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Đoàn Minh X có nghĩa vụ bồi thường cho anh Sỹ Văn Đ3 số tiền 14.500.000đ (*Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

- Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Trả lại cho các bị cáo: Đoàn Minh X 01 chiếc điện thoại di động, Nguyễn Văn H 01 chiếc điện thoại di động, Nguyễn Trọng H1 01 chiếc điện thoại di động và Lê Thành T11 02 chiếc điện thoại di động, nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước của Nguyễn Trọng H1 số tiền 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) là tiền thu lời bất chính.

Ngoài ra đề nghị HĐXX xem xét buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; riêng bị cáo Đoàn Minh X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, không tranh luận gì thêm. Thừa nhận hành vi phạm tội của mình, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ mức án cho các bị cáo.

Bị hại anh Sỹ Văn Đ3 trình bày: Ngày 03/12/2023 anh có bị mất 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 23M1-189.36, theo kết quả định giá có giá trị là 28.500.000 đồng; quá trình điều tra, bị cáo Lê Thanh T đã bồi thường cho anh số tiền 14.000.000 đồng, không yêu cầu bị cáo T bồi thường gì thêm. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh yêu cầu bị cáo Đoàn Minh X bồi thường tiếp cho anh số tiền 14.500.000 đồng.

Bị hại anh Phạm Quang Đ1 xác định ngày 06/12/2023 anh bị mất 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, biển số 22S1- 332.81 có trị giá là 12.500.000 đồng; chị Lưu Thị Thanh T10 xác định, ngày 21/02/2024 chị bị mất 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn trắng, biển số 14L1-116.49 có trị giá 8.500.000 đồng, hiện nay anh Đ1 và chị T10 đã nhận lại xe; tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh Đ1, chị T10 vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày và không có ý kiến yêu cầu gì đối với các bị cáo.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngô Văn H2, anh Dương Xuân C vắng mặt tại phiên tòa, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh H2, anh C vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại cơ quan điều tra và không có ý kiến yêu cầu gì đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về xem xét hành vi của các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá, kết luận giám định, lời khai của người bị hại và toàn bộ các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ trên có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024, trên địa bàn các huyện H, Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang và địa bàn quận H; phường V, quận H, thành phố Hà Nội: Các bị cáo Lê Thanh T, Đoàn Minh X, Nguyễn Văn H và Nguyễn Trọng H1 đã có hành vi trộm cắp và tiêu thụ tài sản (xe mô tô), cụ thể như sau:

- Khoảng 03 giờ ngày 03/12/2023, tại thôn A, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang: Lê Thanh T, Đoàn Minh X đã có hành vi trộm cắp của anh Sĩ Văn Đ, trú tại thôn K, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 23M1-189.36 có trị giá: 28.500.000 đồng (*Hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng*).

- Khoảng 01 giờ ngày 06/12/2023, tại tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang: Lê Thanh T đã có hành vi trộm cắp của anh Phạm Quang Đ1, trú tại thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, biển số 22S1- 332.81 có trị giá là 12.500.000 đồng (*Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

- Khoảng đầu tháng 1/2024 (*không xác định được ngay*), tại khu vực Hồ Đ thuộc quận H, thành phố Hà Nội: Nguyễn Trọng H1 biết rõ chiếc xe mô tô biển số 22S1- 332.81 do Lê Thanh T trộm cắp nhưng vẫn tiêu thụ (*trao đổi mua, bán*).

- Khoảng 15 giờ, ngày 21/02/2024, tại ngách A, phường V, quận H, thành phố Hà Nội: Đoàn Minh X và Nguyễn Văn H đã có hành vi trộm cắp của chị Lưu Thị Thanh T10, trú tại số G, khu T, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn trắng, biển số 14L1-116.49 có trị giá 8.500.000 đồng (*Tám triệu năm trăm nghìn đồng*).

Như vậy, Lê Thanh T 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, tổng trị giá tài sản 02 lần trộm cắp là 41.000.000 đồng; Đoàn Minh X 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, tổng trị giá tài sản 02 lần trộm cắp là 37.000.000 đồng; Nguyễn Văn H 01 lần trộm cắp tài sản trị giá 8.500.000 đồng; Nguyễn Trọng H1 đã có hành vi tiêu thụ 01 xe mô tô trị giá 12.500.000 đồng.

Theo kết luận định giá tài sản, tổng giá trị tài sản Lê Thanh T trộm cắp là 41.000.000 đồng; Đoàn Minh X trộm cắp là 37.000.000 đồng; Nguyễn Văn H 01 lần trộm cắp tài sản trị giá 8.500.000 đồng, tuy giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp dưới 50.000.000 đồng là thuộc mức định lượng quy tại khoản 1 Điều 173 của BLHS, nhưng cả bị cáo T, X, H đều đã bị đưa ra xét xử về các tội danh khác nhau chưa được xóa án tích và đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” nên trong vụ án này hành vi của các bị cáo Lê Thanh T, Đoàn Minh X, Nguyễn Văn H đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Trọng H1 đã có hành vi tiêu thụ 01 xe mô tô trị giá 12.500.000 đồng nên hành vi của bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự. Như vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Hành vi của các bị cáo trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây mất ổn định an ninh trật tự; các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tại nhiều địa bàn khác nhau gây hoang mang cho quần chúng nhân dân tại

các địa phương. Bản thân các bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức, các bị cáo biết hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi các bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Trong vụ án này, các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, nhưng giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ với nhau, không có sự phân công, sắp đặt vai trò của từng người nên các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên vai trò của các bị cáo trong vụ án là khác nhau:

Bị cáo Lê Thanh T trực tiếp 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, một lần bị cáo rủ Đoàn Minh X cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, một lần bị cáo thực hiện một mình, tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 41.000.000 đồng. Xét về nhân thân bị cáo có nhân thân xấu: Bị cáo đã có 04 tiền án về các tội xâm phạm sở hữu; ngoài ra bị cáo còn bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị Công an huyện H, tỉnh Tuyên Quang, Công an thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang khởi tố về hành vi “trộm cắp tài sản” vì vậy bị cáo giữ vai trò cao nhất trong vụ án và cần xử bị cáo mức án cao hơn các bị cáo khác.

Bị cáo Đoàn Minh X trực tiếp 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, một lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng Lê Thanh T, một lần thực hiện hành vi trộm cắp cùng Nguyễn Văn H, tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 37.000.000 đồng. Xét về nhân thân bị cáo có nhân thân xấu: Bị cáo đã có 02 tiền án, tại Bản án số 20/2019/HSST, ngày 06/3/2019, bị TAND thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tại Bản án số 149/2020/HSST, ngày 10/8/2020, bị TAND thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; ngoài ra ngày 25/3/2024 bị Công an huyện Y xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy, hình thức phạt tiền, bị cáo X giữ vai trò thứ hai trong vụ án sau bị cáo T.

Bị cáo Nguyễn Văn H trực tiếp 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng Đoàn Minh X, tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 8.500.000 đồng. Xét về nhân thân bị cáo có nhân thân xấu: Bị cáo đã có 02 tiền án, tại Bản án số 73/2010/HSST, ngày 28/5/2010, bị TAND thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy, phạt tiền 5.000.000 đồng; tại Bản án số 78/2019/HSST, ngày 17/5/2019, bị TAND quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xử phạt 48 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Ngoài ra Ngày 11/01/2013 bị TAND huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 25/3/2024 bị Công an huyện Y xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, hình thức: phạt tiền, do đó bị cáo giữ vai trò thấp hơn bị cáo T, X.

Bị cáo Nguyễn Trọng H1 không hứa hẹn, bàn bạc trước với Lê Thanh T nhưng khi biết nguồn gốc chiếc xe mô tô do T trộm cắp mà có bị cáo vẫn nhất trí mua và bán lại cho người khác, giá trị tài sản bị cáo tiêu thụ là 12.500.000 đồng.

Xét về nhân thân bị cáo có nhân thân xấu: Tại Bản án số 43/2021/HSST, ngày 24/3/2021, bị TAND quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo đã được xoá án tích và bị coi là chưa có án tích, do đó cần xử bị cáo mức án tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Thanh T và Đoàn Minh X 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, giá trị tài sản trộm cắp mỗi lần đều trên 5.000.000 đồng nên hai bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cả 04 bị cáo T, X, H, H1 đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS; bị cáo Lê Thanh T đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của BLHS; bị cáo Lê Thanh T, Đoàn Minh X, Nguyễn Trọng H1 tự nguyện ra đầu thú, bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T, bị cáo H1 có bố đẻ là ông Nguyễn Trọng N tham gia kháng chiến chống Mỹ, bị cáo đã tự nguyện nộp khoản tiền thu lời bất chính 4.500.000 đồng trước khi xét xử nên bị cáo T, X, H1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự

[4]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng các bị cáo Lê Thanh T, Đoàn Minh X, Nguyễn Văn H đều là người đã có nhiều tiền án, nên cần xử phạt các bị cáo hình phạt tù và cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục cũng như phòng ngừa tội phạm chung. Riêng đối với bị cáo Nguyễn Trọng H1 tham gia vụ án với vai trò không đáng kể, giá trị tài sản bị cáo tiêu thụ không lớn; bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; bản thân bị cáo cũng đã bị tạm giam một thời gian; bị cáo có đầy đủ các điều kiện và đảm bảo các quy định về án treo theo quy định tại Điều 65 của BLHS, Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018, Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của BLHSS về án treo, nên xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ điều kiện răn đe, giáo dục đối với bị cáo, xử phạt các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, có căn cứ.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có tài sản có giá trị, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về vật chứng vụ án:

- Đối 01 chiếc điện thoại di động của Đoàn Minh X, 01 chiếc điện thoại di động của Nguyễn Văn H, 01 chiếc điện thoại di động của Nguyễn Trọng H1 và 02 chiếc điện thoại di động của Lê Thanh T, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho các bị cáo, nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước của Nguyễn Trọng H1 số tiền 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) là tiền thu lời bất chính. Ghi nhận bị cáo Nguyễn Trọng H1 đã nộp số tiền 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) trên theo Biên lai thu tiền số: 0000872, ngày 05/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Đối với 02 đĩa DVD có chứa nội dung liên quan đến hành vi trộm cắp tài sản của Đoàn Minh X và Lê Thanh T ngày 03/12/2023 tại thôn A, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang đã được lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 02 chiếc vạm phá khoá tự chế của Lê Thanh T và Đoàn Minh X và chiếc biển số xe 22S1- 332.81, sau khi thực hiện xong hành vi phạm tội các bị cáo đã vứt bỏ, do các bị cáo không xác định được vị trí vứt các đồ vật trên nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, truy tìm, nên không xem xét giải quyết.

[7]. Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, bị hại anh Sỹ Văn Đ3, yêu cầu bị cáo Lê Thanh T và Đoàn Minh X phải bồi thường cho anh số tiền là 28.500.000 đồng; ngày 29/5/2024 Lê Thanh T đã bồi thường cho anh Đ3 14.000.000 đồng, anh Đ3 không yêu cầu bị cáo T bồi thường gì thêm. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh Sỹ Văn Đ3 yêu cầu bị cáo Đoàn Minh X bồi thường cho anh số tiền 14.500.000 đồng, tại phiên toà bị cáo X nhất trí bồi thường số tiền 14.500.000 đồng cho anh Sỹ Văn Đ3. HĐXX xét thấy, việc bị cáo X đồng ý bồi thường cho anh Đ3 là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Đoàn Minh X có nghĩa vụ bồi thường cho anh Sỹ Văn Đ3 số tiền 14.500.000 đồng.

Bị hại chị Lưu Thị Thanh T10, anh Phạm Quang Đ1 đã nhận lại tài sản (xe mô tô bị trộm cắp), không yêu cầu bị cáo X, H và T phải bồi thường gì thêm; đối với anh Ngô Văn H2 đã trả số tiền 7.500.000 đồng để mua chiếc xe mô tô từ H1 (do T trộm cắp mà có) anh H2 không yêu cầu, đề nghị bị cáo H1 phải bồi thường số tiền này; đối với số tiền 2.500.000 đồng mà anh Dương Xuân C đã trả cho X để mua chiếc xe mô tô do X trộm cắp mà có, anh C không yêu cầu, đề nghị bị cáo X phải bồi thường số tiền này, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[8]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Qua xem xét, nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Khởi tố, điều tra, thu thập chứng cứ, truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[9]. Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; riêng bị cáo Đoàn Minh X phải chịu thêm khoản án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; các bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10]. Về các vấn đề khác:

Đối với hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô Vision biển số 22Y1-260.04 của anh Lâm Thảo M, tại thôn A M, xã Y, H vào ngày 02/12/2023, của Lê Thanh T và Đoàn Minh X: Ngày 09/12/2023, Công an huyện H, tỉnh Tuyên Quang đã khởi tố vụ án, bị can. Ngoài ra hành vi phạm tội trên, T còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố H và tỉnh Tuyên Quang; Ngày 17/02/2024, Công an thành phố H, tỉnh Hà Giang đã khởi tố vụ án, bị can; ngày 18/5/2024, Công an thành phố T, tỉnh Tuyên Quang đã khởi tố vụ án, bị can theo quy định;

Đối với người đàn ông (không biết tên, tuổi, địa chỉ) mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh đen, biển số 23M1-189.36 do Lê Thanh T và Đoàn Văn X1 trộm cắp mà có: Cơ quan điều tra đã áp dụng các biện pháp điều tra theo quy định, nhưng không xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể, ngoài lời khai duy nhất của bị cáo ra không có tài liệu, chứng cứ khác chứng minh nên không có căn cứ xem xét, xử lý.

Đối với người đàn ông tên Q (*hay gọi Quỳnh T9*), theo H1 khai sinh năm 1991, trú tại ngõ A N, quận H, thành phố Hà Nội, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được người có lai lịch trên, nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn xanh, Nguyễn Trọng H1 bán cho Bùi Quang L1 vào khoảng đầu tháng 1/2024, khi mua bán xe đầy đủ giấy tờ. Sau khi mua, L1 đã bán xe cho người đàn ông (không biết tên, tuổi, địa chỉ) nên không có căn cứ xem xét, xử lý.

Đối với anh Ngô Văn H2, Bùi Quang L1, khi mua lại 02 xe mô tô của Nguyễn Trọng H1 vào khoảng đầu tháng 1/2024 và Dương Xuân C mua lại chiếc xe mô tô của Đoàn Minh X, nhưng khi trao đổi mua bán không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Thanh T.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đoàn Minh X.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trọng H1.

- Tuyên bố bị cáo Lê Thanh T, Đoàn Minh X, Nguyễn Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Nguyễn Trọng H1 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Xử phạt bị cáo Lê Thanh T **03** (ba) năm **03** (ba) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 27/02/2024.

- Xử phạt bị cáo Đoàn Minh X **03** (ba) năm tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 26/02/2024.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H **02** (hai) năm tù. Hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 06/3/2024.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng H1 **08** (tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **16** (mười sáu) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Trọng H1 cho UBND phường T, quận N, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Trọng H1, nếu không bị giam giữ về hành vi vi phạm pháp luật khác

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Đoàn Minh X 01 điện thoại di động được niêm phong trong phong bì niêm phong, mặt trước ghi “điện thoại di động của Đoàn Minh X”, mặt sau trên các mép dán có chữ ký của X, thành phần tham gia niêm phong và 05 hình dấu của Công an huyện Y; Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 điện thoại được niêm phong trong phong bì niêm phong, mặt trước ghi “điện thoại di động của Nguyễn Văn H”, mặt sau trên các mép dán có chữ ký của H, thành phần tham gia niêm phong và 05 hình dấu của Công an huyện Y; Trả lại cho bị cáo Nguyễn Trọng H1 01 điện thoại di động được niêm phong trong phong bì niêm phong, mặt trước ghi “điện thoại di động của Nguyễn Trọng H1”, mặt sau trên các mép dán có chữ ký của H1, thành phần tham gia niêm phong và 05 hình dấu của Công an huyện Y; Trả lại cho bị cáo Lê Thanh T: 01 điện thoại di động được niêm phong trong phong bì niêm phong mặt trước ghi “điện thoại di động của Lê Thanh T nhãn hiệu Real C15”, mặt sau trên các mép dán có chữ ký của T, thành phần tham gia niêm phong và 05 hình dấu của Công an huyện Y và 01 điện thoại được niêm phong trong phong bì niêm phong mặt trước ghi “điện thoại di động của Lê Thanh T nhãn hiệu Galaxy A04s”, mặt sau trên các mép dán có chữ ký của T, thành phần tham gia niêm phong và 05 hình dấu của Công an huyện Y nhưng tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Y và Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Sơn lập ngày 18/6/2024.

- Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước của Nguyễn Trọng H1 số tiền 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) là tiền thu lời bất chính; ghi nhận bị cáo Nguyễn Trọng H1 đã nộp số tiền 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) trên theo Biên lai thu tiền số: 0000872, ngày 05/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Đoàn Minh X có nghĩa vụ bồi thường cho anh Sỹ Văn Đ3 số tiền 14.500.000đ (*Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo Lê Thanh T, Đoàn Minh X, Nguyễn Văn H, Nguyễn Trọng H1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Đoàn Minh X phải chịu 725.000đ (*Bảy trăm hai mươi lăm nghìn*) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Ghi nhận bị cáo Nguyễn Trọng H1 đã nộp số tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (*Hai trăm*

ngàn đồng) trên theo Biên lai thu tiền số: 0000872, ngày 05/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

5. *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng HSNV CA tỉnh Tuyên Quang;
- Sở tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Yên Sơn;
- Cơ quan THAHS CA huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- Trại giam; Nhà tạm giữ;
- UBND phường Tây Mỗ;
- UBND thị trấn Tân An; UBND xã Đan Trường; UBND phường Quang Trung;
- Các bị cáo;
- Lưu HS, VT.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mạnh Hồng

